



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆN LIÊN
 86 Trần Trọng Cung, Q7, TP. HCM
 Tel : 7 732896 Fax: 7 732897
 Email: unnico@hcm.vnn.vn



CÔNG HOÀA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Nối liền - Tươi do - Hạnh phúc

Số :/VL2010

TP.HCM, ngày 25 tháng 10 năm 2010

V/v: Giải trình về biến động KQKD Quý III/2010
 So với Quý III/2009.

KÍNH GỬI: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Căn cứ theo Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ tài chính , Công ty cổ phần Viện Liên giải trình về biến động kết quả kinh doanh của Quý III/2010 giảm trên 10% so với Quý III/2009 như sau:

Chỉ tiêu	Quý III/2010	Quý III/2009	% Biến động
Doanh thu	11.736.514.376	13.272.977.523	- 11.58 %
Lợi nhuận sau thuế TNDN	2.200.730.402	5.857.121.607	- 62.43 %

Nguyên nhân:

- Doanh thu Quý III/2010 giảm 11.58% và lợi nhuận sau thuế Quý III/2010 giảm 62.43% so với cùng kỳ năm 2009 do các công trình chưa quyết toán kịp trong Quý III/2010.

Trân trọng.

Công ty cổ phần Viện Liên
 Tổng Giám đốc

Nội nhận:

- Như trên.
- Lưu.

PHẠM ĐÌNH DŨNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 09 năm 2010

TÀI SẢN	mã số	Số cuối Quý III/2010	Số đầu năm
1	2	4	3
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	153,425,488,732	117,900,158,389
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	63,472,580,592	51,865,981,793
1. Tiền	111	6,472,580,592	18,865,981,793
2. Các khoản tương đương tiền	112	57,000,000,000	33,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	25,264,960,000	4,000,000,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	33,534,200,000	4,000,000,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	(8,269,240,000)	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	46,815,928,716	47,662,088,341
1. Phải thu khách hàng	131	30,333,763,876	40,986,016,793
2. Trả trước cho người bán	132	10,949,765,800	5,623,971,750
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	5,532,399,040	
5. Các khoản phải thu khác	135	107,236,800	1,159,336,598
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn	139	(107,236,800)	(107,236,800)
IV. Hàng tồn kho	140	16,275,619,044	11,857,113,530
1. Hàng tồn kho	141	16,275,619,044	11,857,113,530
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	1,596,400,380	2,514,974,725
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	65,526,156	0
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	200,656,853	935,094,884
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	0	0
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	1,330,217,371	1,579,879,841
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	16,596,813,028	4,189,575,369
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 09 năm 2010

II. Tài sản cố định	220	1,873,043,028	2,246,048,607
1. Tài sản cố định	221	1,249,165,320	1,254,664,299
- Nguyên giá	222	2,805,390,392	2,420,453,352
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(1,556,225,072)	(1,165,789,053)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	623,877,708	991,384,308
III. Bất động sản đầu tư	240	0	0
- Nguyên giá	241	0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	14,699,280,000	1,912,600,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		
3. Đầu tư dài hạn khác	258	14,699,280,000	1,912,600,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-
V. Tài sản dài hạn khác	260	24,490,000	30,926,762
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	24,490,000	30,926,762
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	0	0
3. Tài sản dài hạn khác	268		
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	170,022,301,760	122,089,733,758

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 09 năm 2010

NGUỒN VỐN	Mã số	Số cuối Quý III/2010	Số đầu năm
5	6		7
A. NỢ PHẢI TRẢ	300	58,403,242,992	24,165,361,453
I. Nợ ngắn hạn	310	8,403,242,992	24,165,361,453
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	0	0
2. Phải trả người bán	312	3,013,184,018	11,987,119,119
3. Người mua trả tiền trước	313	1,226,272,068	4,246,331,098
4. Thuế và các khoản phải nộp cho nhà nước	314	1,419,462,631	3,686,325,884
5. Phải trả người lao động	315	1,393,401,800	1,595,432,800
6. Chi phí phải trả	316	36,571,172	2,311,806,995
7. Phải trả nội bộ	317		
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		
9. Các khoản phải trả phải nộp khác	319	405,088,865	318,895,557
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	909,262,438	19,450,000
II. Nợ dài hạn	330	50,000,000,000	0
1. Phải trả dài hạn người bán	331		
3. Phải trả dài hạn khác	333		
4. Vay và nợ dài hạn	334	50,000,000,000	
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	111,619,058,768	97,924,372,305
I. Vốn chủ sở hữu	410	111,619,058,768	97,924,372,305
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	94,844,680,000	47,439,330,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	5,015,044,372	30,641,500,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		
4. Cổ phiếu quỹ	414	-	(6,051,840,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	0	6,091,336,352
8. Quỹ tự phòng tài chính	418	672,587,253	672,587,253
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	11,086,747,143	19,131,458,700
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 09 năm 2010

II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	0	0
2. Nguồn kinh phí	432		
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	170,022,301,760	122,089,733,758

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Số cuối Quý III/2010	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại (USD)			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Lập biểu

Ngày 25 tháng 10 năm 2010
Tổng Giám Đốc

VÕ THỊ THU NỞ

PHẠM ĐÌNH DŨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Địa chỉ: 86 Trần Trọng Cung, P. Tân Thuận Đông, Q. 7, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III/2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý III/2010

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Quý III/ 2010	Quý III / 2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Lợi nhuận trước thuế	14,587,540,022	16,339,711,407
2. Điều chỉnh cho các khoản:		
- Khấu hao tài sản cố định	390,436,019	405,605,259
- Các khoản dự phòng	8,269,240,000	(2,624,270,000)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(14,533,873,690)	(5,987,497,308)
- Chi phí lãi vay	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8,713,342,351	8,133,549,358
- Tăng, giảm các khoản phải thu	23,133,190,068	28,632,824,627
- Tăng, giảm hàng tồn kho	(4,050,998,914)	(4,582,762,756)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	12,517,525,889	(11,383,180,172)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	(59,089,394)	(73,851,908)
- Tiền lãi vay đã trả	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(5,275,975,756)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	1,054,840,864	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(4,668,183,279)	(1,178,688,249)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	31,364,651,829	19,547,890,900
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(384,937,040)	(300,000,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(29,534,200,000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	4,000,000,000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	(26,255,780,000)	(20,000,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	13,469,100,000	35,914,250,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	14,668,873,690	-
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	(24,036,943,350)	15,614,250,000

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Địa chỉ: 86 Trần Trọng Cung, P. Tân Thuận Đông, Q. 7, TP.HCM

QUÝ III/2010

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Quý III/ 2010	Quý III/2009
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	8,947,508,020	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	-	(2,287,109,000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(4,668,617,700)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	4,278,890,320	(2,287,109,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	11,606,598,799	32,875,031,900
Tiền và tương đương tiền đầu năm	51,865,981,793	7,077,078,562
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	63,472,580,592	39,952,110,462

Lập biểu

Ngày 25 tháng 10 năm 2010
Toảng Giaùm Nớc**Võ Thị Thu Nở****PHẠM ĐÌNH DŨNG**

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ III/ 2010

CHỈ TIÊU	Thuyết t minh	Quý		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		QUÝ III/ 2010	QUÝ III/ 2009	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	11,736,514,376	13,272,977,523	38,258,922,646	43,395,785,494
2. Các khoản giảm trừ	VI.1		-		4,400,000
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	VI.1	11,736,514,376	13,272,977,523	38,258,922,646	43,391,385,494
4. Giá vốn hàng bán	VI.2	10,740,578,560	11,210,584,104	24,717,193,648	37,918,247,738
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		995,935,816	2,062,393,419	13,541,728,998	5,473,137,756
6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	4,467,782,105	1,042,183,243	14,726,735,805	9,161,688,554
7. Chi phí tài chính	VI.4	1,617,427,736		9,985,424,338	468,675,167
-Trong đó: Chi phí lãi vay			-	-	
8. Chi phí bán hàng	VI.5	707,672,633	1,017,932,476	2,395,057,289	2,717,195,976
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	345,772,369	444,345,851	1,322,209,554	1,138,993,768
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 +(21-22)- (24 + 25)]		2,792,845,183	1,642,298,335	14,565,773,622	10,309,961,399
11. Thu nhập khác		21,766,400	8,174,136,364	21,766,400	8,205,889,064
12. Chi phí khác		-	2,176,139,056	-	2,176,139,056
13. Lợi nhuận khác (50=41-42)		21,766,400	5,997,997,308	21,766,400	6,029,750,008
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)		2,814,611,583	7,640,295,643	14,587,540,022	16,339,711,407
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành		613,881,181	1,783,174,036	3,488,766,041	3,031,374,217
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-	-	
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)		2,200,730,402	5,857,121,607	11,098,773,981	13,308,337,190
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.7	232	1,355	1,170	3,143

Lập biểu

Lập ngày 22 tháng 10 năm 2010
Tổng Giám Đốc

VÕ THỊ THU NỮ

PHẠM ĐÌNH DŨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Địa chỉ: 86 Trần Trọng Cung, P. Tân Thuận Đông, Q7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III / 2010

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	47,439,330,000	30,721,500,000	(3,764,731,000)	1,840,725,502	6,091,336,352	1,378,209,944	83,706,370,798
Tăng vốn trong năm trước		0		-	-		0
Mua lại cổ phiếu phát hành	-	-	(2,287,109,000)	-	-		(2,287,109,000)
Tăng quỹ đầu tư năm trước	-	-	-	-	-	-	0
Chi quỹ trong năm	-	(80,000,000)	-	(1,168,138,249)	0		(1,248,138,249)
Số dư cuối năm trước	47,439,330,000	30,641,500,000	(6,051,840,000)	672,587,253	6,091,336,352	19,131,458,700	97,924,372,305
Số dư đầu năm 2010	47,439,330,000	30,641,500,000	(6,051,840,000)	672,587,253	6,091,336,352	19,131,458,700	97,924,372,305
Tăng vốn đến Quý III/2010	47,405,350,000	11,926,784,000		-	(6,091,336,352)	(12,791,890,000)	40,448,907,648
Vốn giảm đến Quý III/2010	-	(37,553,239,628)	6,051,840,000			-	(31,501,399,628)
Lợi nhuận đến Quý III/2010	-	-	-	-	-	11,098,773,981	11,098,773,981
Chia cổ tức đến Quý III/2010	-	-	-	-	-	(4,743,933,000)	(4,743,933,000)
Trích lập quỹ đến Quý III/2010	-	-	-	-	-	(887,662,438)	(887,662,438)
Thù lao Hội đồng quản trị	-	-	-	-	-	(720,000,100)	(720,000,100)
Số dư cuối Quý III/2010	94,844,680,000	5,015,044,372	-	672,587,253	-	11,086,747,143	111,619,058,768

Lập biểu

VOÛ THÒ THU NÔU

TP.HCM, ngày 22 tháng 10 năm 2010

Tổng Giám đốc

PHẠM ĐÌNH DŨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Địa chỉ: số 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2010

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ngày 30 tháng 09 năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Cổ phần.
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, thương mại.
- 3. Ngành nghề kinh doanh** :
 - . Kinh doanh mua bán, dịch vụ Thiết bị Viễn thông – Tin học.
 - . Tư vấn đầu tư, thiết kế các công trình Viễn thông – Tin học.
 - . Xây lắp các công trình Viễn thông – Tin học.
 - . Kinh doanh bất động sản.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là năm tài chính thứ 18 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Địa chỉ: số 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2010

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	30
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2-3

6. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác lập trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

7. Chi phí trả trước dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Địa chỉ: số 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2010

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí trả trước dài hạn là các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

8. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

9. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: Hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

10. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

11. Cổ tức

Được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Địa chỉ: số 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2010

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

14. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

15. Các liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối Quý III/2010</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	97.065.420	213.606.329
Tiền gửi ngân hàng	6.375.515.172	18.652.375.464
Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	57.000.000.000	33.000.000.000
Cộng	<u>63.472.580.592</u>	<u>51.865.981.793</u>

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Địa chỉ: số 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2010

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối Quý III/2010</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư cổ phiếu	28.284.200.000	-
Đầu tư ngắn hạn khác		
- Cho Công ty cổ phần thiết kế xây lắp Viễn Đông vay lãi suất 12%/năm	-	4.000.000.000
- Cho ông Nguyễn Văn Giỡn vay lãi suất 13.5%/năm	3.000.000.000	
- Góp vốn hợp tác đầu tư	2.250.000.000	
Cộng	<u>33.534.200.000</u>	<u>4.000.000.000</u>

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

Số đầu năm	-
Trích lập dự phòng	8.269.240.000
Số cuối kỳ	<u>8.269.240.000</u>

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối Quý III/2010</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Dịch vụ viễn thông Sài Gòn	138.130.960	8.179.356.715
Công ty Điện thoại Đông thành phố Hồ Chí Minh	837.602.071	5.685.984.490
Công ty Cổ phần Thiết kế Xây lắp Viễn Đông	18.983.205.840	10.875.497.560
Công ty Cổ phần Công nghệ Đông Dương	-	12.100.000
Công ty TNHH Metro Cash & Carry Việt Nam	161.530.243	141.931.762
Công ty Điện thoại Tây Thành phố Hồ Chí Minh	1.107.120.026	667.276.745
Công ty TNHH Một thành viên Điện lực Đồng Nai	-	1.965.630.700
FCRV-VIETNAM PTE.LTD	174.881.320	2.396.388.441
Bán CP Viễn Đông, Thủy Điện Miền Trung	2.784.000.000	
Các khách hàng khác	6.147.293.416	660.763.395
Cộng	<u>30.333.763.876</u>	<u>30.584.929.808</u>

5. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối Quý III/2010</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Phú Yên	-	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Thiết kế Xây lắp Viễn Đông	-	2.700.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiến Việt	1.130.000.000	350.000.000
Ban quản lý Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh	358.192.800	358.192.800
Công ty cổ phần Nhựa Vĩnh Khánh	4.617.000.000	
Trương Tấn Hưng	4.152.000.000	
Các nhà cung cấp khác	692.573.000	215.778.950
Cộng	<u>10.949.765.800</u>	<u>5.623.971.750</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Địa chỉ: số 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2010

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

	<u>Số cuối Quý III/2010</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty điện thoại Đông TP. Hồ Chí Minh	1.531.979.999	1.591.396.504
Công ty điện thoại Tây TP. Hồ Chí Minh	4.000.419.041	8.809.690.481
Cộng	<u>5.532.399.040</u>	<u>10.401.806.985</u>

7. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối Quý III/2010</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu thuế thu nhập cá nhân	-	-
Phải thu khoản đầu tư góp vốn kinh doanh	-	600.000.000
Thù lao Hội đồng quản trị tạm chi chờ quyết toán	-	302.400.100
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	135.000.000
Các khoản phải thu khác	107.236.800	121.936.498
Cộng	<u>107.236.800</u>	<u>1.159.336.598</u>

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối Quý III/2010</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	2.433.518	9.734.057
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	9.177.270.952	5.693.831.927
Thành phẩm	25.525.032	39.361.926
Hàng hóa	7.070.389.542	6.114.185.620
Cộng	<u>16.275.619.044</u>	<u>11.857.113.530</u>

9. Chi phí trả trước ngắn hạn:

	<u>Số cuối Quý III/2010</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đồng phục CB CNV	25.636.363	-
Chi phí thuê mặt bằng	37.162.521	-
Chi phí khác	2.727.272	-
Cộng	<u>65.526.156</u>	<u>-</u>

10. Thuế GTGT được khấu trừ:

	<u>Số cuối Quý III/2010</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT còn được khấu trừ	200.656.853	935.094.884
Cộng	<u>200.656.853</u>	<u>-</u>

11. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối Quý III/2010</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	850.964.993	696.060.000
Các khoản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	479.252.378	883.819.841

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Địa chỉ: số 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2010

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cộng	Số cuối Quý III/2010	Số đầu năm
	1.330.217.371	1.579.879.841

12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	-	770.159.923	1.441.707.642	208.585.787	2.420.453.352
Mua sắm mới đến Quý III/2010	-	384.937.040	-	-	384.937.040
Thanh lý, nhượng bán trong năm Quý III/2010	-	-	-	-	-
Số cuối năm	-	1.155.096.963	1.441.707.642	208.585.787	2.805.390.392
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	140.296.045	158.004.250	208.585.787	506.886.082
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	-	351.399.285	611.823.398	202.566.370	1.165.789.053
Khấu hao đến Quý III/2010	-	223.953.736	160.462.866	6.019.417	390.436.019
Thanh lý, nhượng bán trong Quý III/2010	-	-	-	-	-
Số cuối năm	-	575.353.021	772.286.264	208.585.787	1.556.225.072
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	-	418.760.638	829.884.244	6.019.417	1.254.664.299
Số cuối năm	-	579.743.942	669.421.378	0	1.249.165.320

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh đến Quý III/2010	Số cuối Quý III/2010
Công trình nhà máy cấp quang	923.877.708	(367.506.600)	623.877.708
Cộng	991.384.308	(367.506.600)	623.877.708

14. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối Quý III/2010	Số đầu năm
Đầu tư cổ phiếu	14.699.280.000	1.912.600.000

15. Chi phí trả trước dài hạn:

	Số cuối Quý III/2010	Số đầu năm
Phí đánh giá định kỳ lần 2 ISO 9001:2000	24.490.000	7.551.600
Chi phí khác	-	23.375.162

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Địa chỉ: số 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2010

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cộng	Số cuối Quý III/2010	Số đầu năm
	24.490.000	30.926.762

16. Phải trả người bán

	Số cuối Quý III/2010	Số đầu năm
Phải trả về mua thiết bị viễn thông, tin học	852.388.042	11.825.295.873
Phải trả dịch vụ khác	2.160.795.976	161.823.246
Cộng	3.013.184.018	11.987.119.119

17. Người mua trả tiền trước

	Số cuối Quý III/2010	Số đầu năm
Công ty điện thoại Đông TP.Hồ Chí Minh	525.705.682	1.735.683.048
Công ty điện thoại Tây TP.Hồ Chí Minh	623.626.468	2.374.900.000
Các khách hàng khác	76.939.918	135.748.050
Cộng	1.226.272.068	4.246.331.098

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong Quý III/2010	Số đã nộp trong Quý III/2010	Số cuối Quý III/2010
Thuế GTGT hàng bán nội địa	468.680.804	4.312.653.541	(4.753.816.329)	27.518.016
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	35.164.360	123.510.458	(158.674.818)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.182.480.720	3.488.766.041	(5.275.975.756)	1.395.271.005
Thuế thu nhập cá nhân	-	40.854.080	(44.180.470)	(3.326.390)
Các loại thuế khác	-	7.000.000	(7,000,000)	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
Cộng	3.686.325.884	7.972.784.120	(10.239.647.373)	1.419.462.631

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế GTGT như sau:

- Văn phòng phẩm, mực in, đĩa server,... 5%
- Các hoạt động còn lại. 10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.12.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Số cuối Quý III/2010	Số cuối Quý II/2009
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.587.540.022	8.162.893.873
Tổng thu nhập chịu thuế	13.955.064.159	6.596.050.573
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	3.488.766.041	1.649.012.643
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 30%	-	(494.703.793)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50%	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Địa chỉ: số 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2010

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối Quý III/2010</u>	<u>Số cuối Quý II/2009</u>
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>3.488.766.041</u>	<u>1.154.308.850</u>

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

19. Phải trả người lao động:

	<u>Số cuối Quý III/2010</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lương tháng 9 CB CNV	315.971.800	307.842.800
Lương công nhân thời vụ	1.077.430.000	1.287.590.000
Cộng	<u>1.393.401.800</u>	<u>1.595.432.800</u>

20. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối Quý III/2010</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa tổng đài	35.710.000	105.035.000
Chi phí công trình	-	1.622.136.602
Dự phòng tổn thất giá trị công trình không thu được	-	571.138.838
Chi phí khác	861.172	13.496.555
Cộng	<u>36.571.172</u>	<u>2.311.806.995</u>

21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối Quý III/2010</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	22.154.558	7.081.058
Bảo hiểm xã hội	5.378.706	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	112.920.000	112.920.000
Cổ tức còn phải trả	255.562.296	180.246.996
Nhập tạm hàng hóa chưa có hóa đơn	7.388.468	18.548.186
Thu hộ cước cho Công ty viễn thông Sài Gòn	591.751	-
Phải trả khác	1.093.086	99.317
Cộng	<u>405.088.865</u>	<u>318.895.557</u>

22. Vay và nợ dài hạn:

	<u>Số cuối Quý III/2010</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phát hành trái phiếu chuyển đổi	<u>50.000.000.000</u>	<u>-</u>
Thẻ hiện giá trị trái phiếu phát hành trong Quý III/2010 tương đương 50.000 trái phiếu theo mệnh giá, lãi 10%/năm, thời gian chuyển đổi 2 năm, có thể chuyển đổi trước hạn nhưng tối thiểu phải sau 1 năm.		

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng quỹ đến Quý III/2010</u>	<u>Chi quỹ đến Quý III/2010</u>	<u>Số cuối Quý III/2010</u>
Quỹ khen thưởng	19.450.000	889.812.438	-	909.262.438
Quỹ phúc lợi	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Địa chỉ: số 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2010

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng quỹ đến Quý III/2010</u>	<u>Chi quỹ đến Quý III/2010</u>	<u>Số cuối Quý III/2010</u>
Cộng	19.450.000	889.812.438	-	909.262.438

24. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 1.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

Trả cổ tức năm trước bằng cổ phiếu	12.791.890.000
Chi tạm ứng cổ tức năm 2010 bằng tiền mặt	4.668.617.700
Cộng	17.460.507.700

Cổ phiếu

	<u>Số cuối Quý III/2010</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.487.866	6.755.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.484.468	4.743.933
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.484.468	4.743.933
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	422.066
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	422.066
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.484.468	4.321.867
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.484.468	4.321.867
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Số cuối Quý III/2010</u>	<u>Số cuối Quý III/2009</u>
Tổng doanh thu	38.258.922.646	43.395.785.494
- <i>Doanh thu tư vấn thiết kế</i>	618.236.827	534.705.507
- <i>Doanh thu xây dựng, dịch vụ xây lắp</i>	6.500.126.951	8.110.720.210
- <i>Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ khác</i>	27.298.550.068	28.501.947.177

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Địa chỉ: số 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2010

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối Quý III/2010</u>	<u>Số cuối Quý III/2009</u>
- Doanh thu cung cấp cáp	3.695.852.800	6.035.964.600
- Doanh thu dịch vụ bảo trì và bảo dưỡng cabin điện thoại	146.156.000	212.448.000
	<u>38.258.922.646</u>	<u>17.172.934.871</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Số cuối Quý III/2010</u>	<u>Số cuối Quý III/2009</u>
Giá vốn tư vấn thiết kế	629.886.662	455.514.252
Giá vốn hoạt động xây dựng, xây lắp	5.558.057.541	6.918.363.160
Giá vốn cung cấp cáp	3.335.669.322	5.490.144.226
Giá vốn hàng hóa, dịch vụ khác đã cung cấp	15.058.597.943	24.938.143.404
Giá vốn bảo trì, bảo dưỡng cabin điện thoại	134.982.180	116.082.696
Cộng	<u>24.717.193.648</u>	<u>37.918.247.738</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Số cuối Quý III/2010</u>	<u>Số cuối Quý III/2009</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	192.862.115	34.398.432
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.703.849.148	184.710.672
Cổ tức, lợi nhuận được chia	632.475.863	1.583.643.300
Lãi cho vay	225.000.000	210.000.000
Lãi ký quỹ, bảo lãnh	4.948.679	-
Lãi hợp tác đầu tư tài chính	9,000,000,000	772.450.000
Các khoản đầu tư khác	2.967.600.000	6.376.486.150
Cộng	<u>14.726.735.805</u>	<u>9.161.688.554</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Số cuối Quý III/2010</u>	<u>Số cuối Quý III/2009</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	8.269.240.000	-
Chi phí hoạt động tài chính (giá vốn cổ phiếuVIDOCO, CHP)	1.572.600.000	-
Chi phí giao dịch chứng khoán	126.866.014	19.505.167
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	16.718.324	449.170.000
Cộng	<u>9.985.424.338</u>	<u>468.675.167</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Số cuối Quý III/2010</u>	<u>Số cuối Quý III/2009</u>
Chi phí nhân viên bán hàng	1.174.868.262	541.990.774
Chi phí nguyên vật liệu bao bì	17.227.431	20.727.749
Chi phí khấu hao tài sản cố định	80.482.812	94.488.201
Chi phí dịch vụ mua ngoài	695.256.420	291.696.863
Chi phí khác	427.222.364	190.090.181
Cộng	<u>2.395.057.289</u>	<u>1.138.993.768</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Địa chỉ: số 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2010

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Số cuối Quý III/2010</u>	<u>Số cuối Quý III/2009</u>
Chi phí nhân viên	800.836.118	541.990.774
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng văn phòng	87.856.217	20.727.749
Chi phí khấu hao tài sản cố định	63.398.923	94.488.201
Chi phí dịch vụ mua ngoài	147.385.329	291.696.863
Chi phí khác	222.732.967	190.090.181
Cộng	<u>1.322.209.554</u>	<u>694.647.917</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Số cuối Quý III/2010</u>	<u>Số cuối Quý III/2009</u>
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	8.163.636.364
Phạt do vi phạm hợp đồng	-	10.500.000
Các khoản khác	21.766.400	31.752.700
Cộng	<u>21.766.400</u>	<u>8.205.889.064</u>

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Số cuối Quý III/2010</u>	<u>Số cuối Quý II/2009</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.098.773.981	7.008.585.023
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.098.773.981	7.008.585.023
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	9.484.468	9.436.632
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.170</u>	<u>743</u>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Số cuối Quý III/2010</u>	<u>Số cuối Quý III/2009</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	4.743.933	4.321.867
- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành từ việc chia cổ tức năm trước	1.279.189	
- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại		(88.255)
- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành từ nguồn vốn thặng dư và quỹ đầu tư phát triển	3.461.346	
- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tái phát hành cổ phiếu quỹ trong kỳ	-	
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân Quý III/2010	<u>9.484.468</u>	<u>4.233.612</u>

Năm 2010, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Vì vậy lãi cơ bản trên cổ phiếu kỳ trước đã được điều chỉnh lại theo số cổ

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Địa chỉ: số 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2010

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

phiếu phát hành thêm kỳ này. Việc điều chỉnh hồi tố này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm trước giảm từ 1.492 VNĐ xuống còn 743 VNĐ.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Các giao dịch không bằng tiền

Công ty phát sinh các giao dịch tăng vốn điều lệ không bằng tiền tính đến quý III/2010 như sau:

	<u>Số cuối Quý III/2010</u>	<u>Số cuối Quý III/2009</u>
Phát hành cổ phiếu thưởng từ quỹ đầu tư phát triển	6.091.336.352	-
Phát hành cổ phiếu từ thặng dư vốn	28.522.123.648	-
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	12.791.890.000	-
Cộng	<u>47.405.350.000</u>	<u>-</u>

VIII. THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Số cuối Quý III/2010</u>	<u>Số cuối Quý III/2009</u>
Tiền lương, thưởng	131.730.000	135.565.200
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	3.600.000	1.008.000
Cộng	<u>135.330.000</u>	<u>136.573.200</u>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 10 năm 2010

Võ Thị Thu Nở
Lập biểu

Phạm Đình Dũng
Tổng Giám đốc